

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày: 17 - 7 - 2023
“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đức;

Ông Nguyễn Văn Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLST-DS ngày 27/3/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2023/QĐST-DS ngày 27/4/2023, quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Trần Văn C, sinh năm 1945, có mặt.

1.2 Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1946, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số A, đường L, Khu phố A, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Trần Văn V, sinh năm 1953, vắng mặt.

2.2 Bà Trần Thị Kim C1, sinh năm 1960, có mặt.

2.3 Ông Trần Chí P, sinh năm 1983, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Đ và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng, ngày 20/11/2018, ông V, bà C1, ông P có vay của ông bà số tiền 850.000.000 đồng có ký giấy mượn tiền bằng chữ viết tay, mục đích vay là phục vụ nhu cầu gia đình, thỏa thuận bằng lời

nói lãi 04%/tháng (trong biên nhận không ghi lãi), tuy nhiên từ ngày 20/11/2018 đến nay chưa thanh toán khoản tiền lãi nào.

Ngày 20/10/2021, ông V, bà C1, ông P đã trả cho ông bà được số tiền nợ vay gốc 300.000.000 đồng.

Số tiền nợ gốc còn 550.000.000 đồng, ông bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng bị đơn không trả nên khởi kiện. Nay ông bà yêu cầu ông V, bà C1, ông P có nghĩa vụ trả ông bà số tiền gốc là 550.000.000 đồng.

Tiền lãi: Ông C, bà Đ yêu cầu trả lãi theo lãi suất 1%/tháng, cụ thể: Từ ngày 20/11/2018 đến ngày 20/10/2021 tiền lãi của 850.000.000 đồng là 314.500.000 đồng. Từ ngày 20/10/2021 đến ngày làm đơn khởi kiện 21/12/2022 tiền lãi của khoản vay 550.000.000 đồng là 77.000.000 đồng. Ông C, bà Đ không yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện đến nay. Ông bà không đồng ý miễn lãi cho bị đơn.

Tổng cộng ông bà yêu cầu ông V, bà C1, ông P có nghĩa vụ trả ông bà số tiền gốc và lãi 550.000.000 đồng + 314.500.000 đồng + 77.000.000 đồng = 941.500.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Kim C1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa:

Bà và ông V là vợ chồng, Trần Chí P là con của ông bà. Trước năm 2018 bà có nhiều lần vay tiền của ông C và bà Đ và đã thanh toán gốc, lãi xong. Bà thừa nhận ngày 20/11/2018, bà và ông V, ông P có vay của ông C, bà Đ số tiền 850.000.000 đồng, vay tiền mục đích để làm ruộng và trả nợ Ngân hàng. Vợ chồng bà và con trai có ký biên giấy mượn tiền. Khi vay thỏa thuận bằng miệng lãi suất 04%/ tháng, tuy nhiên từ ngày 20/11/2018 đến nay chưa thanh toán tiền lãi. Vào ngày 20/10/2021 bà đã trả được 300.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 550.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán do làm ăn khó khăn.

Nay bà đồng ý trả cho ông C, bà Đ số tiền nợ vay gốc 550.000.000 đồng, tuy nhiên xin được miễn tiền lãi, khi nào bán được đất mới có tiền trả.

Bị đơn ông Trần Văn V, ông Trần Chí P vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn V, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Chí P trả tiền nợ vay. Ông V, bà C1 và ông P có địa chỉ cư trú tại Ấp C, xã T, thị xã K nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật dân sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Về phạm vi giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu yêu cầu ông V, bà C1, ông P có nghĩa vụ trả ông bà số tiền gốc và lãi 941.500.000

đồng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Tòa án căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Bị đơn ông Trần Văn V và ông Trần Chí P đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông V, ông P.

[4] Về nội dung:

[4.1] Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền đề ngày 20/11/2018 thể hiện ông V, bà C1, ông P có mượn bà Đ số tiền 850.000.000 đồng, hẹn đến ngày 31/10/2020 trả 300.000.000 đồng. Nội dung này bị đơn bà C1 cũng thừa nhận.

Ông C, bà Đ và bà C1 thống nhất trình ngày 20/10/2021 bị đơn đã thanh toán 300.000.000 đồng, còn nợ 550.000.000 đồng. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ lời khai của đương sự có cơ sở xác định ngày 20/11/2018 ông V, bà C1 và ông P có vay của ông C, bà Đ số tiền 850.000.000 đồng, ngày 20/10/2021 đã thanh toán nợ gốc 300.000.000 đồng, số tiền còn nợ 550.000.000 đồng không thể hiện thỏa thuận về thời hạn thanh toán (trong biên nhận). Quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày đã yêu cầu nhiều lần nhưng bị đơn chưa trả, bị đơn bà C1 cũng thừa nhận do đang gặp khó khăn nên chưa thanh toán số tiền trên. Căn cứ Điều 288, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, nay nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền này là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về trách nhiệm liên đới: Bà C1 trình bày số tiền vay của ông C, bà Đ về sử dụng mua phân thuốc trồng lúa trong gia đình và một phần trả khoản nợ ngân hàng. Bị đơn ông V, ông P vắng mặt không có ý kiến trình bày. Căn cứ lời khai của các đương sự có mặt, căn cứ giấy mượn tiền có ký nhận của bà C1, ông V, ông P thì Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông V, bà C1 và ông P có trách nhiệm liên đới thực trả tiền.

[4.3] Về tiền lãi: Mặc dù trong biên nhận vay tiền không thể hiện lãi, tuy nhiên các bên đều thừa nhận khi vay thỏa thuận miệng lãi suất 4%/tháng nên đây là hợp đồng vay có lãi, mức lãi suất các bên thỏa thuận là vượt quá quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, ông C, bà Đ và bà C1 đều trình bày thống nhất từ khi vay tiền đến nay chưa thanh toán tiền lãi, nay ông C và bà Đ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1%/tháng là phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về thời gian tính lãi:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi của khoản nợ vay 850.000.000 đồng từ ngày vay tiền 20/11/2018 đến ngày 20/10/2021 (ngày trả 300.000.000 đồng) là có căn cứ, thành tiền: $850.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 35 \text{ tháng} = 297.500.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 20/10/2021 đến ngày 21/12/2022 (ngày viết đơn khởi kiện) của khoản tiền nợ gốc 550.000.000 đồng, thành tiền: $550.000.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 1\% = 77.000.000 \text{ đồng}$.

Ông C và bà Đ không yêu cầu tính lãi kể từ ngày viết đơn khởi kiện ngày 21/12/2022 đến nay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy tổng số tiền lãi được chấp nhận là 297.500.000 đồng + 77.000.000 đồng = 374.500.000 đồng. Tuy nhiên ông C và bà Đ yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền lãi 314.500.000 đồng + 77.000.000 đồng = 391.500.000 đồng, nên số tiền lãi không được chấp nhận là 391.500.000 đồng - 374.500.000 đồng = 17.000.000 đồng.

[4.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, cụ thể: Buộc ông V, bà C1, ông P có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay gốc và lãi là 550.000.000 đồng + 297.500.000 đồng + 77.000.000 đồng = 924.500.000 đồng.

Không có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Đ buộc bị đơn trả số tiền lãi 17.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí nên đã được miễn, tuy nhiên không có đơn đề nghị miễn án phí do đó phải nộp án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định.

Ông Trần Văn V, bà Trần Thị C1, ông Trần Chí P phải liên đới nộp 39.735.000 đồng án phí. Tuy nhiên ông V và bà C1 có đơn đề nghị miễn án phí và là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn theo Điều 12 Nghị quyết số 326. Ông P không được miễn án phí nên phải nộp số tiền án phí tương ứng là 13.245.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 288, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Văn V, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Chí P.

Buộc ông Trần Văn V, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Chí P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ vay gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi 374.500.000 đồng. Tổng số tiền nợ vay gốc và lãi phải trả là 924.500.000 đồng (Chín trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi

hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ông Trần Văn V, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Chí P về số tiền lãi là 17.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới nộp 850.000 đồng án phí. Ông Trần Chí P phải nộp 13.245.000 đồng án phí.

4. Quyền kháng cáo: Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị Kim C1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn V, ông Trần Chí P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Nhung